**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ MỸ THO**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:146/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-12-2020
*V/v Tranh chấp:*
"Yêu cầu ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Hoa**.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
+Ông Nguyễn Thanh Tăng
+ Bà Lê Thị Thu Yến

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa ông Phạm Nhật Minh– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Phước -kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 682/2020/TLST-HNGĐ ngày 15-10-2020 về việc tranh chấp "Yêu cầu ly hôn", Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2020/QĐXX-ST ngày 19-11-2020 giữa các đương sự:

1*/Nguyễn đơn*: Chị Nguyễn Lê Thanh T, sinh năm: 1972 (có mặt).
Địa chỉ: 44/2C, đường T, ấp T, xã T, Huyện H, TP Hồ Chí Minh
2*/ Bị đơn*: Anh Văn Tiến C sinh năm: 1973 (vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 10, khu b, ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Lê Thanh T trình bày***:**

Bà và ông Văn Tiến C chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã B, Huyện C, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012, thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng vợ chồng vẫn duy trì cuộc sống chung, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bà sanh con không được, sau khi có con ông C không lo cho vợ con và vợ chồng thông tin tưởng trong tiền bạc, bà khuyên can không được, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, bà bỏ về quê ở Bình Dương sống. Từ đó thì vợ chồng chấm dứt quan hệ và sống ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Văn Tiến C.

Con chung: Có 01 con Văn Tiến H sinh ngày 09-8-2013, hiện nay bà đang nuôi con, khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi con, bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông Văn Tiến C được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông C không đến tham gia các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng, nhưng ông có gởi văn bản trình bày ý kiến ông đồng ý ly hôn với bà T; Con chung có 01 con Văn Tiến H sinh ngày 09-8-2013 ông đồng ý giao

cho bà T trực tiếp nuôi, ông không tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H: Tài sản, nợ chung không có và có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của pháp luật như tiến hành xác minh, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xác minh, tống đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn tuân thủ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tóm tắt và nhận định nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Lê Thanh T theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Con chung giao cho bà Nguyễn Lê Thanh T trực tiếp nuôi cháu Văn Tiến H sinh ngày 09-8-2013; Tài sản chung, nợ chung không có. Không đặt ra giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Lê Thanh T và ông Văn Tiến C là tranh chấp "Yêu cầu ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyền của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa bà Nguyễn Lê Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Văn Tiến C; Con chung có 01 con Văn Tiến H sinh ngày 09-8-2013, khi ly bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung không có.

[3] Ông Văn Tiến C được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông C không đến tham dự phiên tòa và cung cấp văn bản trình bày ý kiến của ông để nghị Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của ông. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Văn Tiến C.

Xét các yêu cầu của đương sự:

[1] Về hôn nhân: Xét thấy bà Nguyễn Lê Thanh T và ông Văn Tiến C chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn 2008 tại UBND xã Bình Đức, Hện C Thành, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012, thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng vợ chồng vẫn duy trì cuộc sống chung, đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bà T không sanh con được, sau khi sanh con ông C không lo cho vợ con, không lo làm ăn và trong tiền bạc vợ chồng không tin tưởng nhau, bà T khuyên can không được, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, bà T bỏ về quê ở Bình Dương sống, ông C không tới lui thăm vợ con. Tại phiên tòa bà Nguyễn Lê Thanh T yêu cầu ly hôn ông Văn Tiến C. Ông C được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông C không đến tham gia phiên tòa nhưng có gởi văn bản trình bày ý kiến của ông C. Ông C đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Lê Thanh T. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa bà T, ông C và thời gian sống ly thân quá lâu không ai tới lui để trao đổi tình cảm vợ chồng, nay tình cảm đã rạn nức mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Bà Nguyễn Lê Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Văn Tiến C, ông C đồng ý ly hôn. Do đó bà T ông C thuận tình ly hôn là sự tự nguyện của ông, bà, nhưng ông C vắng mặt tại phiên tòa. Do đó bà T yêu cầu ly

hôn với ông C là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Lê Thanh T.

[2] Về con chung: Có 01 con Văn Tiến H sinh ngày 09-8-2013, hiện nay bà T đang nuôi. Xét thấy cháu H từ nhỏ sống chung bà T, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu H rất chu đáo, hơn nữa cháu H có cuộc sống ổn định. Do đó không nên làm xáo trộn cuộc sống của cháu H, cũng như theo nguyện vọng của cháu H được sống với mẹ. Do vậy giao cho bà T tiếp tục nuôi cháu H để đảm bảo cuộc sống, tư tưởng tâm lý ổn định của cháu H. Ông C đồng ý giao cho bà T trực tiếp nuôi cháu H là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu H nên Hội đồng xét xử giao cho bà T tiếp tục nuôi cháu Văn Tiến H.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Lê Thanh T là người trực tiếp nuôi cháu H, nhưng tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông Văn Tiến C cấp dưỡng nuôi cháu H nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Nguyễn Lê Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39 Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

**Xử:**

**1/** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Thanh T.

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Lê Thanh T được ly hôn với ông Văn Tiến C
- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Lê Thanh T trực tiếp nuôi cháu Văn Tiến H sinh ngày 09-8-2013. Ông Văn Tiến C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Văn Tiến C có quyền đến trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

**2/** Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai số 0002204 ngày 15-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

**3/** Bà Nguyễn Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Văn Tiến C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Võ Thị Ngọc Hoa**

*Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
(Đăng ký kết hôn năm 2008; UBND Xã B, Huyện C-TG)
- Lưu hồ sơ.